TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **09**/2025/QĐST - DS	*Lâm Đồng, ngày 23 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Căn cứ Điều 163, 164, khoản 2 Điều 357 và các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15/7/2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 114/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị E** sinh năm 1969;
Địa chỉ: thôn S, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1976;
Địa chỉ: đường P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Anh **Trần Hữu T**, sinh năm 2001;
Địa chỉ: đường P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Cháu **Trần Hữu Đ**; sinh ngày 03/12/2007; cháu **Trần Hữu Phc**; sinh ngày 21/8/2010;
Địa chỉ: đường P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Người đại diện theo pháp luật của cháu Trần Hữu Đức, cháu Trần Hữu Phước:
Bà **Nguyễn Thị D**; sinh năm 1976 (là mẹ ruột);
Địa chỉ: đường P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Em số tiền 650.000.000đ *(Sáu trăm năm mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bà Nguyễn Thị E có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị D bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 074252 do UBND huyện Đ cấp ngày 26/3/2008 mang tên Trần Văn S, Nguyễn Thị D đối với diện tích 210m^2, thuộc thửa 884, tờ bản đồ số 08, thị trấn Th, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng).

Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị D thoả thuận nhận chịu 15.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003137 ngày 23/6/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Lâm Đồng, bà D còn phải nộp 14.700.000đ. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị E thoả thuận nhận chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 16.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003104 ngày 19/6/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Lâm Đồng, hoàn trả cho bà Em 15.700.000đ tiền tạm ứng án phí còn thừa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 2 - Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Luyện Thanh Sơn